

Thông tin mới nhất về *Chỉ Nam ngọc âm*

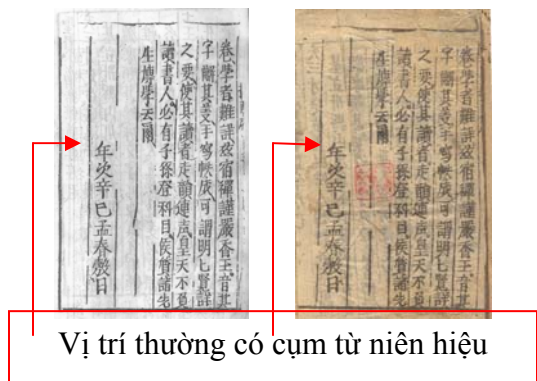
Phó Giáo sư Tiên sĩ Ngô Đức Thọ
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

1. Vấn đề niên đại bản in *Chỉ Nam ngọc âm* [CNNÂ]

Trong kho tàng di sản thư tịch Hán Nôm của nước ta có một cuốn sách mà giới nghiên cứu Hán Nôm cả trong và ngoài nước phần nhiều đều đã biết tiếng. Đó là cuốn *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*. Nói là biết đến nhưng cũng chỉ là mới mấy chục năm gần đây, người nói đến sớm nhất, mà tại đây tôi xin bày tỏ sự biết ơn, chính là cố học giả danh tiếng Trần Văn Giáp¹. Dù một số ý kiến của cụ về sau có những nhà nghiên cứu nêu lên để thảo luận đi sâu nghiên cứu, nhưng trên tất cả và đặc biệt có ý nghĩa là nhờ có đôi mắt tinh đời của nhà thư tịch học Thúc Ngọc mà giới nghiên cứu ngày nay mới biết đến để sử dụng và nghiên cứu về *Chỉ nam ngọc âm*. Có nhiều vấn đề để nghiên cứu CNNÂ về niên đại biên soạn và niên đại bản in, về tác giả và nội dung biên soạn. Để cho được ngắn gọn, bài này tôi chỉ nghiên cứu và thông báo về kết quả nghiên cứu của tôi về niên đại của bản in và qua đó cũng tiến được một bước trong việc xác định tác giả.

Trong bài viết của mình cụ Trần đã giới thiệu khá rõ về văn bản CNNÂ mà bản in cụ đã nêu rõ là bản AB.372 của Thư viện Khoa học Xã hội, tức là bản đã chuyển sang Viện Nghiên cứu Hán-Nôm hiện nay. Nhưng điều khó khăn liên quan đến việc xác định năm khắc in là trên văn bản không có dòng niên hiệu thường thấy, mà chỉ có năm can chi:



年次辛巳孟春穀日

(Tuế thứ Tân Tị mạnh xuân cốc nhật)

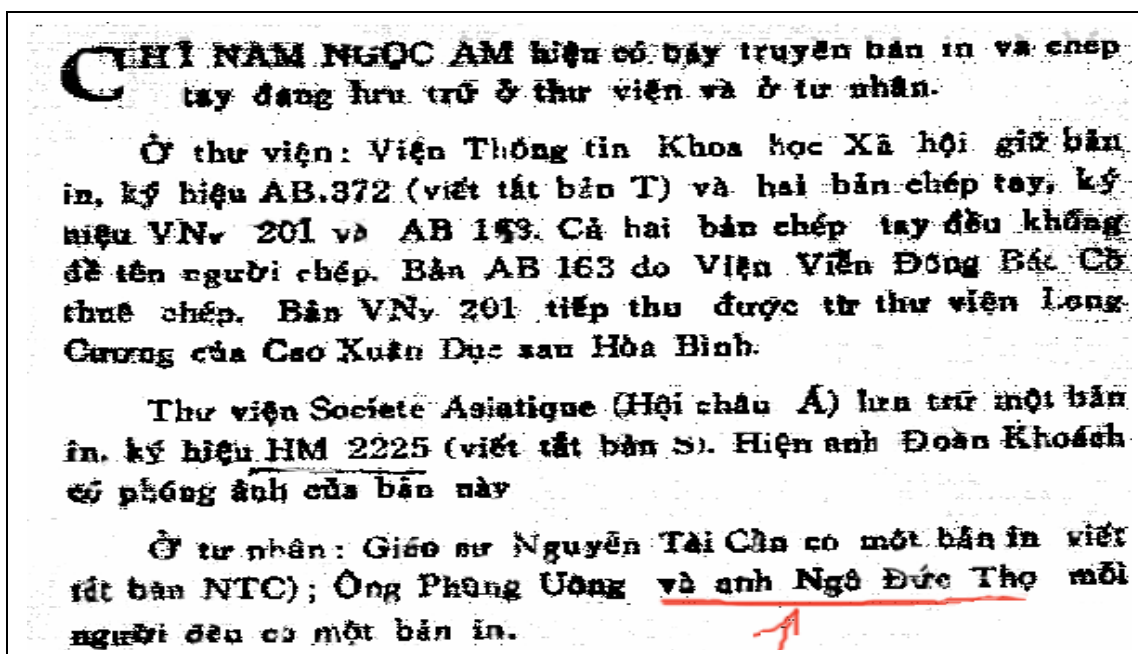
Cả 7 trang ảnh kèm theo trong bài của cụ Trần đều chụp từ bản AB.372. Nhưng sau khi nói về bản này, cụ có dẫn một bản khác mà cụ cho biết: “Gần đây tôi lại mới mượn được của ông bạn Phùng Ưông một bản sách CNNÂ bản in cổ, có đủ tờ mặt sách đến cuối cùng, cũng giống như bản in cổ của thư viện mà đủ hơn và in rõ hơn”.

Cứ như cụ nói đó thì lúc đó tờ mặt sách ở bản của Thư viện đã rách mất mà ảnh tờ mặt sách in kèm bài vẫn là ảnh của bản Thư viện nhưng lấy từ bản chụp microfilms số 3836 mà EFEO đã chụp từ trước. Tờ bìa ở bản sách của tôi thì từ lâu đã bị rách mất mảng lớn, chỉ còn mấy góc, nhưng nhờ có ảnh ấy, so qua cũng thấy giống bìa của bản Thư viện.

Sau khi giới thiệu bản ông Phùng Ưông như trên, cụ Trần phiên và dịch đủ cả hai bài Tựa Nôm và Hán. Cuối Tựa chữ Hán không thấy phiên âm dòng có năm can chi, nhưng cuối có dịch dòng niên hiệu là “Hoàng triều niên hiệu Cảnh Hưng thứ 22 năm Tân Tị tháng giêng ngày tốt (1761)”.

Tôi chưa được xem bản của cụ Phùng Ưông, nhưng theo mô tả của Tiến sĩ Trần Xuân Ngọc Lan chắc đúng, vì so sánh các bản in chỉ cho biết ở bản của ông Đoàn Khoách – sao chụp từ bản in kí hiệu HM 2225 của Thư viện Hội Á Châu (Paris) có dòng chữ như cụ Trần dịch trên mà nguyên văn chữ Hán là: “Hoàng triều Cảnh Hưng nhị thập nhị niên tuế thứ Tân Tị mạnh xuân cốc nhật”.

Trước đây khi khảo cứu văn bản CNNÂ chỉ Trần Xuân Ngọc Lan có đến xem và đối chiếu



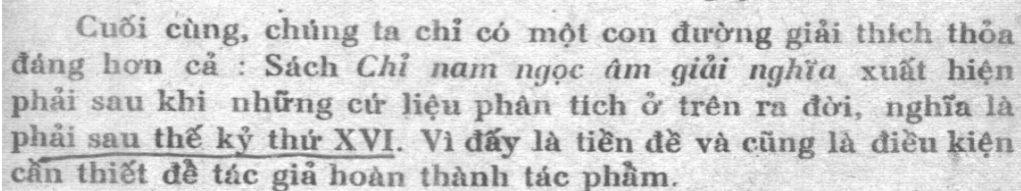
so qua với bản của tôi, tuy không dẫn kỹ nhưng có nói đến, nhân đây ghi lại để biết địa chỉ các bản in CNNÂ mà tác giả luận án đã điều tra hơn 20 năm về trước:

Như vậy có thể biết niên đại Cảnh Hưng Tân Tị (1761) mà tác giả đã ghi chỉ là niên đại của một bản in CNNÂ—cụ thể là bản của cụ Phùng Ưông và bản của ông Đoàn Khoách (tức bản của Hội Á Châu). Còn các bản: Bản AB372 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, bản của GS Nguyễn Tài

Cần và bản của Ngô Đức Thọ đều thuộc loại không có mấy chữ Hoàng triều Cảnh Hưng, mà chỉ có 8 chữ *Tuế thứ Tân Tị* như đã mô tả ở trên.

Sau bài của cụ Trần lần lượt có các tác giả sau đây lần lượt trao đổi hoặc có liên quan đến bài của cụ: Hoa Bằng, Nguyễn Tài Cần, Đào Duy Anh, Lê Văn Quán và Trần Xuân Ngọc Lan². Để cho khỏi rối, bài này của tôi phải bám chặt vấn đề, chỉ đề cập đến ý kiến của các tác giả trên khi cần thiết phải có sự so sánh nhận xét trực tiếp. ở đây chúng ta đang bàn đến vấn đề năm Tân Tị—niên đại của bản in CNNÁ, Lê Văn Quán và Trần Xuân Ngọc Lan là hai tác giả có trực tiếp khảo cứu vấn đề này. Cả hai tác giả đều đưa ra những chứng cứ, biện luận mà tóm tắt thì Lê Văn Quán kết luận:

“Sau thế kỷ XVI”—như lời ông Quán nói—tức là thế kỷ XVII, nhưng cụ thể là năm nào thì



Cuối cùng, chúng ta chỉ có một con đường giải thích thỏa đáng hơn cả : Sách *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* xuất hiện phải sau khi những cứ liệu phân tích ở trên ra đời, nghĩa là phải sau thế kỷ thứ XVI. Vì đây là tiền đề và cũng là điều kiện cần thiết để tác giả hoàn thành tác phẩm.

bỏ ngỏ, mà đồng thời cũng không thấy nói gì đến Tân Tị nữa.

Sau Lê Văn Quán, Trần Xuân Ngọc Lan nói rõ cho biết Tân Tị 1761 là niên đại ở bản chụp của ông Đoàn Khoách (cũng tức là ở bản in của Hội Á Châu). Nhưng lường trước khả năng còn có một Tân Tị trước 1761, Trần Xuân Ngọc Lan lần lượt theo niên biểu mà kê ra các năm Tân Tị trước: 1701 (Chính Hoà 22), 1641 (Dương Hoà 7), 1581 (Quang Hưng 4), 1521 (Lê Chiêu Tông, Quang Thiệu 6), 1461 (Lê Thánh Tông, Quang Thuận 2). Đến mốc 1461, Trần Xuân Ngọc Lan dừng lại và giải thích rằng: “Sở dĩ chúng tôi dừng lại ở đây là vì nhiều chứng cứ về chữ Nôm, về tính chất của hệ thống chú âm, về địa danh, v.v. không cho phép tác phẩm có thể biên soạn xong vào những năm Tân Tị sớm hơn” (tr.16).

Tính đến những Tân Tị trước 1761 là đúng, nhưng Trần Xuân Ngọc Lan dừng lại ở Tân Tị 1461 và cho rằng không thể là Tân Tị nào sớm hơn thì ý kiến của tôi hoàn toàn khác, như sẽ trình bày dưới đây.

2. Xác định chữ in kiêng huý trong văn bản CNNÁ

a. Nhận diện chữ viết đặc biệt:

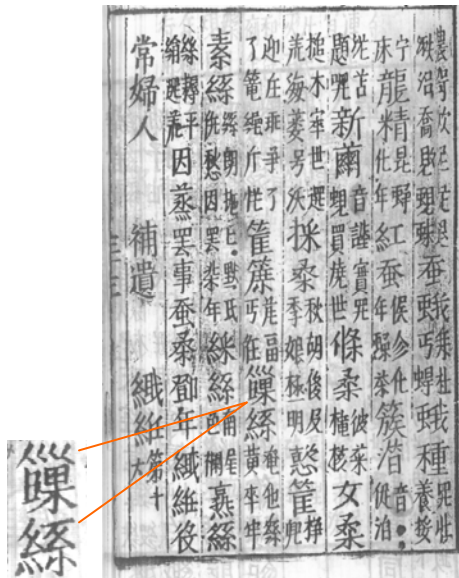
Như vậy “*niên thứ Tân Tị*” là lạc khoản rất nan giải nhưng quan trọng, cần thiết phải tìm cho ra.

Chính tôi có một bản in CNNÁ như trên đã nói, nhưng mấy chục năm trôi qua rồi phải bó tay “nhức đầu” về chuyện Tân Tị, dù từ lâu tôi đã nhận biết đó phải là một Tân Tị sớm hơn rất nhiều Tân Tị 1761. Nhưng là Tân Tị nào? Chính mình lại làm chuyên môn văn bản nữa, chẳng lẽ không thể xác định được hay sao?

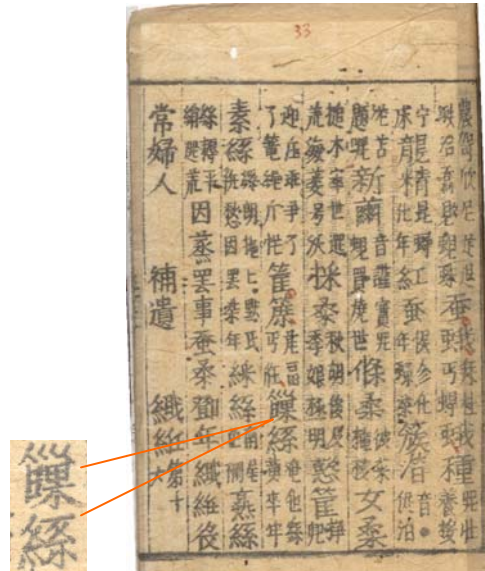
Có một điều mà tôi đã biết từ trước khi chị Trần Xuân Ngọc Lan bảo vệ luận án, và khi sách chị in ra tôi phải mở ngay ra xem tác giả có nói đến hay không. Hơn 20 năm trước mà chị đã làm được một luận án như vậy quả thật đã rất xuất sắc. Nhưng có những vấn đề rất hóc búa như ở CNNÁ thì không thể cầu toàn, vì vậy có điểm nào vì học thuật phải đem ra thảo luận thì

cũng là tự nhiên.

Điều nói đó là ở một chữ trong câu sau đây:



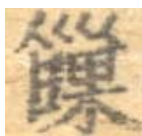
Tờ 33a bản Viện Hán Nôm



Tờ 33a bản Ngô Đức Thọ

Tình trạng văn bản tờ 33a ở bản Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VHNôm) và bản của tôi đều tốt và giống nhau. Từ ghép gồm 2 chữ (trong đó có 1 chữ đặc biệt) được câu ra ngoài và phóng to để tiện theo dõi.

Tại trang tương ứng trong bản phiên âm chú giải của Trần Xuân Ngọc Lan (tr.150)



Không giá vương vức cái khùng.
 Sào Ty uơng đã tơ vàng tốt sao.
 Tổ Ty tơ trắng phau phau.

Theo dẫn trên, Trần Xuân Ngọc Lan đọc chữ ấy là **Sào ty**, coi như một chữ Hán bình thường, ở phần khảo cứu cũng như tại vị trí này không thấy tác giả giải thích hoặc nêu lên có gì đặc biệt về tự hình hay không. Như vậy tức là công trình của Trần Xuân Ngọc Lan đã bỏ sót hoặc bỏ qua một chữ rất quan trọng. Với câu chữ thông thường nào khác thì sai sót chỉ là vấn đề cụ thể, nhưng chữ này—như tôi sẽ chứng minh ở dưới—sẽ rất quan trọng để tìm hiểu giải mã niên đại văn bản và do đó dẫn đến những vấn đề nội dung và giá trị của cả cuốn CNNÂ.

Vậy là có vấn đề cần phải khảo cứu chứng minh chữ nêu trên là chữ gì, có đúng là chữ **Sào** hay không?

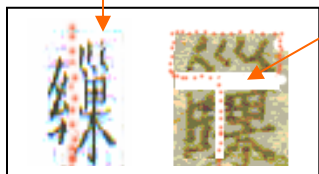
Chữ này quả thật phân bên phải có hình chữ *sào* 窠 (tổ), do đó cả chữ cũng có khả năng là *Sào* như Trần Xuân Ngọc Lan đã đọc. Để quyết nghi vấn đề này tôi phải tìm nhật và trích ảnh của hầu hết các chữ *Sào* trong CNNÂ. Tất cả 11 chữ *Sào*, kê ở bảng dưới đây:

1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.	9.	10.	11.	12.	13.	14.	15.
4a	23a	23a	26b	28a	28a	29b	30a	36a	36a	39b	77b	77b	77b	78a

Trong bảng trên chúng ta chú ý các đặc điểm sau đây:

- Tất cả có 15 chữ Sào, trong đó có 10 chữ chính tự 巢 và 5 chữ làm thiên bàng. Những chữ có thiên bàng sào đều có âm là Sào.

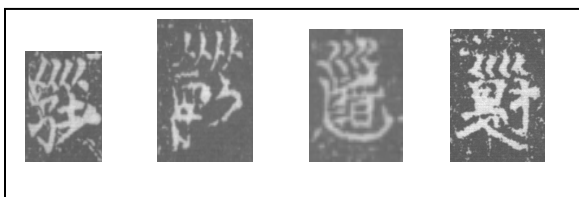
- Cả 5 chữ lấy sào làm thiên bàng (số 2, 3, 8, 11, 12) thì chữ sào đều viết chính xác với bộ xuyên 巛 đặt đúng trên chữ quả 果 và đặt gọn ở vị trí thiên bàng (bên phải), như chữ số 2: không có chữ nào bộ xuyên 巛 viết chườm lên cả bề mặt phía trên của toàn chữ không nằm gọn ở một phía thiên bàng:



Như vậy đã rõ, đến đây có thể kết luận: bộ ký hiệu 4 nét gãy đặt

trên chữ đang khảo sát không phải là một phần của chữ “sào” (bị viết sai thừa nét), mà là một phần riêng biệt của chữ đang khảo sát. Bộ ký hiệu 4 nét gãy này là cách viết hai chữ “tòng” 从从 mà văn bản Việt Nam thường dùng để viết các chữ kiêng húy. Tôi đã thực hiện công trình nghiên cứu chữ húy³ nên dễ dàng nhận ra đó là bộ ký hiệu bốn nét gãy đó là phân ghép trên để tạo ra một chữ viết kiêng húy.

Có thể có vị chưa có điều kiện tìm hiểu về chuyên môn này, xin dẫn thêm Bảng kê các chữ húy trên văn bản thư tịch bi ký triều Lê. Ngoài bảng chữ chế tác trên vi tính, đồng thời cũng dẫn thêm ảnh thật của một vài chữ húy trên văn bia để tiện so sánh:



(Chúng ta chỉ chú ý phần trên của chữ để thấy bộ ký hiệu bốn nét gãy ở các chữ ấy đồng dạng với bộ ký hiệu ở chữ đang khảo sát cũng có bộ ký hiệu đó)

Phân tích mô tả như trên đã đủ rõ để chúng ta nhận diện ký hiệu phần trên của chữ đang khảo sát là một bộ ký hiệu thường thấy để tạo ra chữ viết kiêng húy (trước đây chưa có tổng kết chữ húy cho nên đặc điểm này chưa được chú ý). Như thế đến đây tôi đã có thể kết luận:




- Chữ đang khảo sát là một chữ viết kiêng húy chứ không phải là một chữ thông thường.

- Vì 4 nét gãy ở phía trên là bộ ký hiệu của chữ

đề	提 → 巛	kiểm	檢 → 巛
cửu	玖 → 巛	bính	柄 → 巛
tân	新 → 巛	hoa	華 → 巛
trần	陳 → 巛	tùng	松 → 巛
thành	誠 → 巛	ninh	寧 → 巛
lợi	利 → 巛	khang	康 → 巛
long	龍 → 巛	bang	邦 → 巛
trừ	除 → 巛	căn	根 → 巛
tương	祥 → 巛	doanh	楹 → 巛
đàm	潭 → 巛	sâm	森 → 巛
anh	英 → 巛	bảo ¹	寶 → 巛
cơ	基 → 巛	trú	著 → 巛
hộ	祐 → 巛		

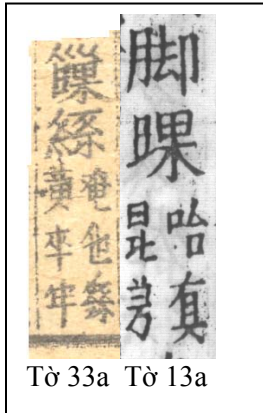
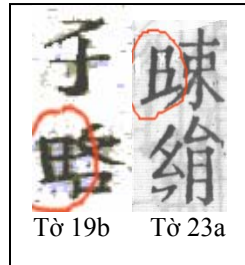
huý, cho nên thiên bàng của chữ đang khảo sát không phải là chữ “sào 巢”, do đó **âm Hán Việt của nó cũng không phải là Sào.**

b. Xác định chữ huý:

Xác định chữ đang khảo sát  là một chữ huý rồi, nhưng cụ thể đó là chữ gì (âm, nghĩa), và nhất là kiêng huý ai?  

Dưới đây tôi sẽ lần lượt khảo cứu vấn đề này.

Thông thường, khi đã nhận diện được một chữ là chữ viết kiêng huý thì việc đọc chính tự của nó cũng không mấy khó khăn, nhưng với chữ huý này có khác: tuy cả bản của Viện Hán Nôm và bản của tôi đều in rõ ràng, nhưng do kiểu chữ khắc và nét in mức đậm, cho nên có một bộ phận khó đọc, cần có biện luận. Chúng ta tạm thời không nói gì đến bộ ký hiệu bên trên nữa mà chỉ tập trung vào phần dưới để xác định âm nghĩa của nó. Chữ đó, phía bộ thủ bên trái xem qua có thể đọc nhầm thành bộ nhật 日 (lòng trước phòng xa như vậy!), nhưng rõ đó là bộ túc 足 (足), các sách in đều viết cách điệu như vậy. Dù sao, để chắc chắn cũng cần dẫn ra vài chữ đồng minh của nó: chỉ cần thấy 2 chữ *Tử Lộ* 子路 và *Thúc quuyến* 蹠絹 phần bộ túc y hệt như chữ đang khảo sát. Đến đây có thể kết luận chính tự của chữ đang khảo sát là một chữ bộ túc và thiên bàng chữ *quả* 蹠.

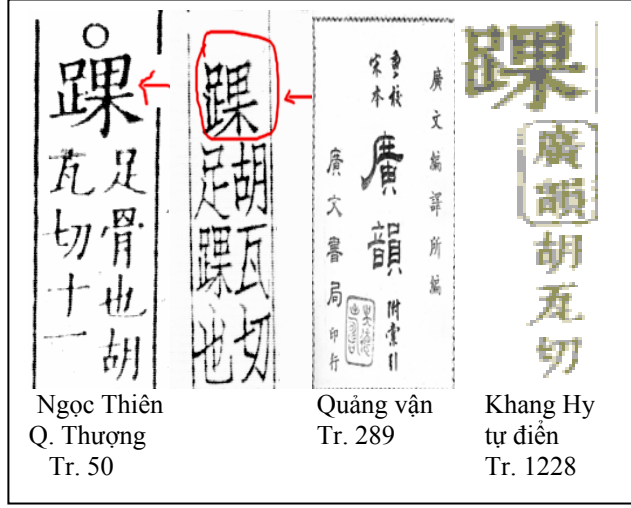


Vừa khéo là văn bản CNNÂ còn có một chữ *quả* 蹠 thứ 2 nữa. Đó là chữ 蹠 ở tờ 13a. Tra tìm ở vị trí tương ứng, thấy Trần Xuân Ngọc Lan đọc chữ này là **Khoả** và phiên cả câu là:

“*Cước khoả: hai chân con khoai*”.

Không rõ chữ 蹠 mà tác giả phiên là **Khoả** có căn cứ theo từ điển nào hay không, nhưng tôi tra thấy Khang Hi cho âm của Quảng Vận là *Hồ ngoã thiết = Hoả*.

Đề phòng còn có âm khác nên phải tìm cả trong *Ngọc thiên*—cũng vẫn là *Hồ ngoã thiết*. Tất cả đều cho âm Hán Việt là *Hoả*.



Đến đây xin thể hiện toàn vẹn chữ *Hoả* viết kiêng huý 蹠 → 蹠

Và đọc lại hoàn chỉnh cả cả 2 câu có chữ “蹠 hoả” như sau:

Tờ 13 a:

脚蹠: 𧰨 真 昆 芎

Cước hoả: Hai chân con khoai

Tờ 33a:

躑躅: 奄 也 絲 黃 卒 牢

Hoả ti: ươn dã tơ vàng tốt sao !

Vậy **Hoả** là tên huý của ai?

Việc khảo cứu chữ huý trong CNNÂ tiến đến đây rồi, nhưng dường như bị khựng lại vì chưa biết đó là tên huý của vị vua chúa nào. Là người đã khảo sát nghiên cứu chữ huý của các triều đại Việt Nam tôi phải tự lầy làm lạ là tại sao lại chưa bao giờ thấy chữ huý này? Huý triều Nguyễn thì không phải, chú ý nhiều vào giai đoạn triều Lê và cả Mạc nữa vì kiều viết cùng kiểu với chữ huý triều Lê như đã dẫn trên. Điềm lướt qua cả: Lê sơ, Lê trung hưng đã đọc những bi ký thư tịch nào, phá hệ các đời của vua Lê chúa Trịnh, của nhà Mạc v.v...thấy không thiếu sót mảng nào. Đời Lý Trần thư tịch bi ký không nhiều như đời sau nên khảo đọc cũng kỹ. Rồi một hôm chậm rãi nhâm kiểm lại: Ngô-Đinh-Lê-Lý-Trần... Thông thường sắp lướt qua để nhắm đến triều Lê, tôi chợt đếm đến Hồ. Và, lần đầu tiên tôi nhận ra rằng chúng ta chưa có một chút tri thức nào về chữ huý đời Hồ!

3. Phả hệ nhà Hồ và chữ huý triều Hồ

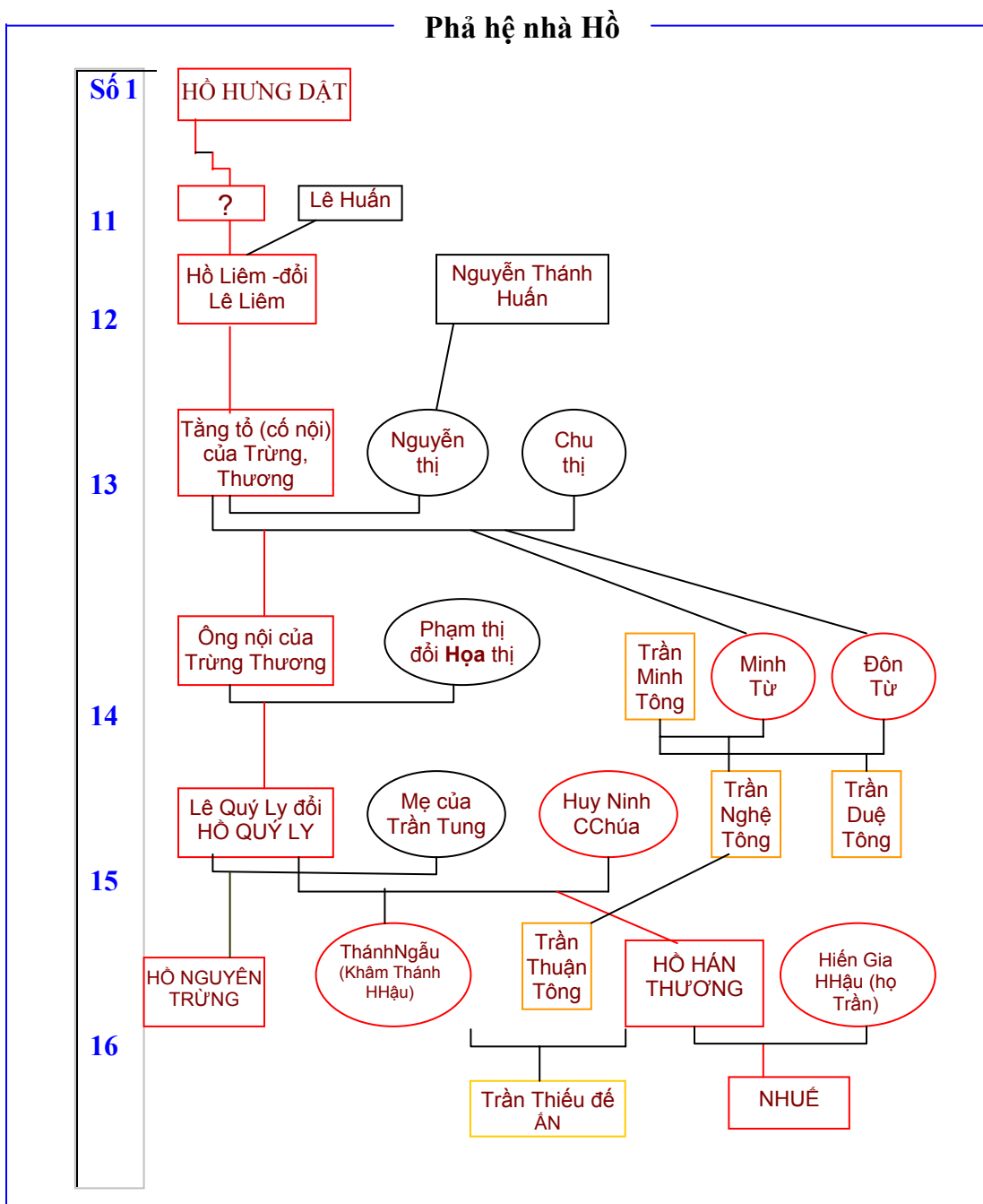
Trong nghiên cứu di sản Hán Nôm có khi chúng ta thực hiện chẳng hạn một sưu tập văn bản thư tịch văn bia theo một chuyên đề nào đó xuyên suốt lịch đại, do ít văn bản nên các triều Lý -Trần- Hồ thường gộp chung vào một giai đoạn, hết Trần phần nhiều phải chuyển sang Lê.

Nghĩ lại triều Hồ tồn tại rất ngắn trong chưa đầy 7 năm. Hồ Quý Ly tuy có những ý tưởng táo bạo nhưng lên ngôi chưa kịp làm được chuyện gì cho văn hoá nước nhà đã phải đối phó ngay với cuộc xâm lược của nhà Minh. Kháng chiến thất bại, nước mất, cha con vua Hồ bị bắt giải về Kim Lăng. Đến đầu đời Lê, hình ảnh nhà Hồ cũng rất thảm hại: “Khoảnh nhân Hồ chính chi phiên hà, chí sử nhân tâm chi oán bạn...” (*Bình Ngô đại cáo*). Nhà Hồ bị nhiều nhà sử nhà văn đời sau phê phán. Ngay cả họ Hồ ở Quỳnh Lưu mà Hồ Quý Ly đã cho xây dựng lăng tẩm ở hương Bào Đột, dày công thu xếp nhận họ để đổi từ họ Lê sang họ Hồ mà về sau gia phả họ này cũng không một câu nhắc đến. Nhà Mạc vì chuyện lấy ngôi của nhà Lê, bị Nho gia các đời lên án gay gắt, nhưng sau còn may được Lê Quý Đôn ghi chép ít nhiều. Thành ra nhà Hồ chẳng những không có sử riêng của triều đại mà ngay phả riêng của gia tộc cũng không còn, trong dân gian nếu ai có ghi chép được gì thì về sau hậu như cũng đã mất sạch.

Các triều Đinh-Lý-Trần mỗi đời tuy ít cũng có được từ một vài đến vài chục văn bản để nghiên cứu. Đến như triều Hồ thì cho đến nay mới biết và hiện cũng chỉ có một văn bản duy nhất là cuốn *Nam Ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng do mấy bộ tùng thư của Trung Quốc thu lục.

Thời Bắc thuộc tuy ít cũng còn có vài bia chuông như Bia Tuỳ Đại Nghiệp, Chuông Nhật Tảo, v.v. Đời Đinh còn 14 cột bia (kinh chàng) ở Hoa Lư, Lý-Trần văn bia đã khá nhiều, từ Lê sơ càng về sau số lượng càng tăng tiến. Riêng đời Hồ thì cho đến nay ngay cả văn bia ta không có một đơn vị nào, thư tịch thì ngoài 1 cuốn nói trên in ở Trung Quốc còn trong nước thì dù là thần tích, sắc phong, gia phả, địa bạ, v.v. tất cả đều vắng bóng!

Điêm qua một lượt tình hình văn hiến như vậy thì nhớ lại sự lý do gián đoạn trong việc nghiên cứu chữ húy đời Hồ, tôi liền vào việc ngay để lập ngay một bản phả hệ nhà Hồ như sau:



Sơ đồ trên căn cứ vào mấy bộ quốc sử—chủ yếu vẫn là *Đại Việt Sử ký toàn thư* và cuốn sách của Hồ Nguyên Trừng—tạm dựng như trên để theo dõi. Nhưng nhìn vào đó vẫn không thấy chữ *Hoả* ở đâu!

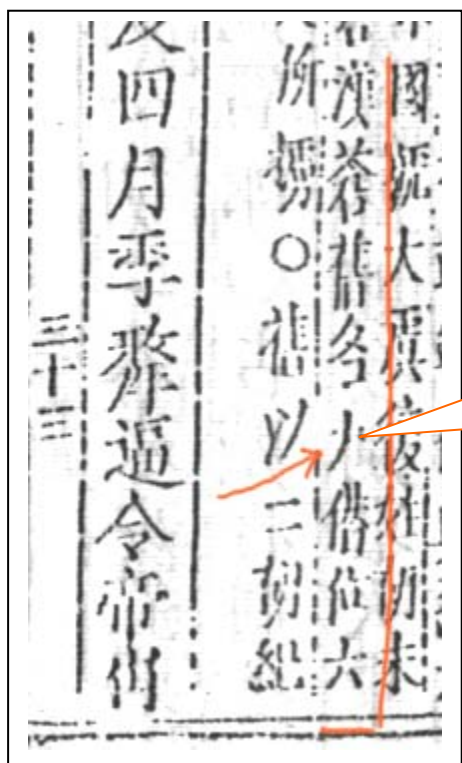
Kiên trì đọc lại tìm lại. Tôi phải bật người ngồi thẳng khi thấy chữ *Hoả* vốn đã nằm ngay

trong *Toàn thư* nhưng vì ghi phụ vào trong kỷ Thiệu Đế nên đọc qua ít khi để ý.

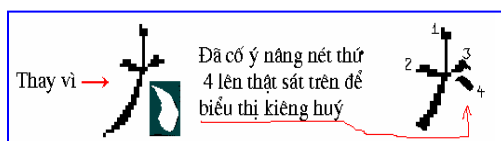
Bản dịch:

..... đặt quốc hiệu là Đại Ngu, trở lại họ Hồ, chưa đầy một năm thì truyền ngôi cho con là Hán Thương. Hán Thương tên cũ là Hòa, tiếm ngôi được hơn 6 năm. Sau hai cha con đều bị người Minh bắt.

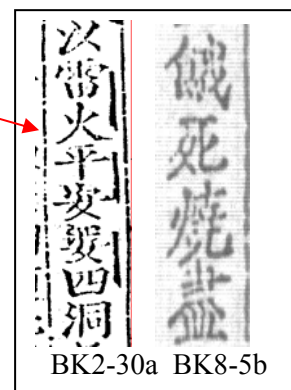
Nguyên văn chữ Hán:



Xem kỹ ở trang chính và vùng phóng to chúng ta thấy rõ chữ “hoả 火” đã được khắc in một cách khác thường:



Toàn thư chỉ một chữ Hoả viết đặc biệt như ở tờ 33a, các chỗ khắc đều khắc nét chuẩn



Viết biến dạng ít nhiều là một cách thể hiện kiêng húy – 火 ở đây là tên húy của Hồ Hán Thương.

Nhưng tại sao bộ sử do Quốc sử viện đời Lê biên soạn, khắc in niên hiệu Chính Hoà lại có chữ kiêng húy của Hồ Hán Thương?

Đây là lần đầu tiên trong văn bản *Đại Việt Sử ký toàn thư* tôi gặp trường hợp rất đặc biệt này. Chúng ta đều đã biết *Toàn thư* bản Chính Hoà không kiêng tên húy của bất cứ vua chúa nào, kể cả các vua chúa đời Lê Trung hưng khi in sách. Hồ Hán Thương có gì đặc biệt để sử đời Lê phải kiêng húy? Vậy rất lạ, nhưng hiểu ngay lý do: Chúng ta biết rằng khi Ngô Sĩ Liên, Phan Phu Tiên ... biên soạn *Đại Việt Sử ký toàn thư* đã sưu tập tham khảo *Đại Việt Sử ký* của Lê Văn Hưu và các sử liệu khác thuộc các đời Trần-Hồ. Trong số tư liệu ấy có những văn bản đời Hồ viết kiêng húy chữ Hoả. Khi đem vào bản thảo *Toàn thư*, theo nguyên tắc chung, người soạn cần biên tập khôi phục nguyên dạng không kiêng húy cho thống nhất toàn bộ sách. Nhưng vì chữ *Hoả* khá thông dụng, mà chữ nói trên so với chữ thảo cũng không khác mấy, cho nên bỏ qua hoặc bỏ sót không xử lý. Người sao sau chép rất cẩn thận để làm sử cho nên thấy nguyên văn như thế vẫn cứ trung thành truyền chép cho đến tận khi khắc in. Vậy là do một sơ sót trong bản in bộ quốc sử

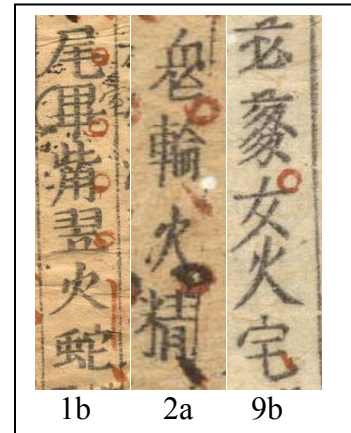
mà ta thu được một mẫu chữ *Hoả* 火 tên huý của Hồ Hán Thương theo kiểu đã viết kiêng huý. (*Đại Việt Sử ký Tiền Biên*, bản in đời Tây Sơn năm 1800 chép và khắc nhằm thành chữ *Đại* 大).

Như thế ta có 2 mẫu chữ kiêng huý chữ *Hoả* viết kiêng huý → 火 và 𤇀 → 𤇀 vậy chữ nào là chính tự tên thật của Hồ Hán Thương? ở trên đã tra âm chữ 𤇀, đến đây cũng phải tra âm chữ 火 cho chắc chắn: Quảng vận cho âm đời Đường Tống của chữ 火 là:

Có một chút dị biệt: chữ *Hoả*: 𤇀: 胡瓦切, 上, 馬, 匣 thuộc thanh mẫu “hạp 匣”, còn chữ *Hoả* 火: 呼果切, 上, 果, 曉 thuộc thanh mẫu “hiểu 曉”, nhưng dị biệt ấy không quan trọng: “Hiểu thanh hạp trắc”, nhưng sang Việt Nam thanh trắc nhập một và đều là nguồn gốc của các âm Hán Việt có phụ âm /h/ (xem sách của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn⁴). Như vậy ta có thể xác định âm Hán Việt thời Đường Tống của 𤇀 (mắt cá chân) và 火 (lửa) đều là Hoả và đó là 2 từ hoàn toàn đồng âm.

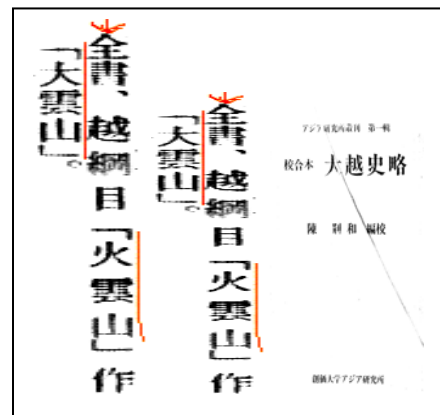
CNNÂ như đã nói trên, có 2 chữ 𤇀, nhưng chữ ở tờ 13a viết nguyên dạng không kiêng, chỉ ở tờ 33a từ *Hoả ti* viết kiêng huý gia dạng bộ 4 nét gãy 𤇀 (𤇀). Đó là cách viết trân trọng, có tính chính thức mà cách vài chục năm sau người đầu đời Lê cũng đã dùng để viết chữ kiêng huý Lê Thái Tổ (như ta đã thấy trong *Đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* hay trong trong *Bia Vĩnh Lăng* 𤇀 do Nguyễn Trãi soạn. Vì lý do đó tôi xác định chính tự tên huý của Hán Thương là *Hoả 𤇀*, mà chữ *Hoả* 火 là chữ đồng âm. Văn bản *Toàn thư* căn cứ theo một tài liệu nào đó có thể thuộc nguồn tại triều đình nhà Hồ, rất gần với nhà vua nên kiêng huý cả chữ chính tự và chữ đồng âm mà chữ ta gặp thuộc diện vừa viết biến dạng vừa dùng chữ đồng âm để tránh chữ tên chính tự. Còn văn bản CNNÂ tuy có thể cũng in tại kinh đô Thăng Long nhưng không phải là sách vở văn bản của triều đình nên người soạn không viết kiêng huý chữ đồng âm. Các chữ *Hoả* (lửa) trong CNNÂ đều không viết kiêng huý.

Xác định đúng chữ đúng người rồi, đến khâu cuối cùng: tìm cứ liệu độc lập để chứng minh kiêng huý chữ *Hoả* trong văn bản.



Trong điều kiện sách vở văn bia đời Hồ cực hiếm muốn tìm cho ra một chữ *Hoả* đã là khó—mà đó lại phải là một địa danh hay nhân danh thì may ra mới còn vết tích kiêng huý—nhưng thực cũng còn một dịp may: *Đại Việt sử lược* ở ta cũng có, nhưng kho tàng thư sách Hán cổ từ lâu Thư viện ấy chưa cho đọc. Năm 1987, GS Trần Kinh Hoà là học giả nghiên cứu sâu về sử Việt Nam đã chú giải và xuất bản sách ấy tại Tokyo (khoảng 1987). Bạn nghiên cứu người Pháp là bà GS Salomon có tặng cho tôi một cuốn. Trong lúc tôi không mấy hy vọng lật giữa quyển ấy—thì thật may—nhờ đối chiếu chú giải rất kỹ càng của Trần Kinh Hoà mà tôi không mất công mấy cũng thấy ngay điều đang cần:

Sử ghi vua Lê Đại Hành năm Thiên Phúc 5 (984) cho làm nhiều cung điện nhà cửa ở kinh đô Hoa Lư, dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Vân để làm nơi coi châu,



sau đó lại xây ngôi lầu gọi là lầu Đại Vân 大雲. Cả *Toàn thư* (BK1-16b) và *Cương mục* đều ghi tên núi và tên lầu là Đại Vân. *Đại Việt sử lược* có những chi tiết ấy, nhưng ghi là Hoả Vân sơn 火雲山 và Hoả Vân lầu 火雲樓. Điều đó có nghĩa là:

Trần Chu Phổ đời Trần khi soạn *Đại Việt sử lược* tên núi và tên lầu ấy ở Hoa Lư vẫn gọi là Hoả Vân. Đến đời Hồ Hán Thương do kiêng húy đồng âm với tên cũ của vua thứ hai triều Hồ là Hoả mà được đổi tên núi Hoả Vân đổi làm núi Đại Vân, lầu Hoả Vân thành lầu Đại Vân. Đến đầu đời triều Lê, các tác giả *Đại Việt Sử ký toàn thư* theo tên đã quen gọi và văn bản ghi theo tên đã kiêng húy là Đại Vân mà chép tên núi và tên lầu là Đại Vân. Tư liệu văn bản này là một bằng chứng một lần nữa xác minh tên húy của Hồ Hán Thương là Hoả và việc kiêng húy chữ *hoả* đã thực sự thi hành khi ông làm vua nước ta. Từ đầu đời Trần chúng ta đã biết đối với các địa danh và nhân danh không chỉ kiêng chữ húy chính tự mà phải kiêng cả các từ đồng âm. Chính tự tên thật của Hồ Hán Thương là Hoả đã được viết kiêng húy như đã thấy trong CNNÂ, còn địa danh và nhân danh có chữ Hoả đồng âm cũng phải thay đổi như trên đã dẫn (火雲 Hoả Vân → 火雲 Đại Vân). Đó cũng là bổ sung mới của tôi về định lệ kiêng húy của giai đoạn trước nay thiếu các tư liệu văn hiến nên còn phải bổ trống, nay thông qua việc nghiên cứu niên đại năm in của CNNÂ mà đồng thời hoàn thành được.

Quý vị và các bạn đồng nghiệp đã rõ cả rồi: Hồ Hán Thương là em Hồ Nguyên Trừng nhưng là con của Hồ Quý Ly và bà công chúa Huy Ninh nên sớm được vua cha truyền ngôi cho và ông lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiệu Thành đúng vào năm Tân Tị (1401). Vâng, **đó đúng là năm Tân Tị—năm khắc in CNNÂ** mà tôi và có lẽ cả nhiều bạn đồng nghiệp mấy chục năm này hằng mong có ngày xác minh giải mã cho được. Việc chứng minh giải mã đó đến đây tôi đã thực hiện xong.

4- Kết luận

Như quý vị biết, di sản Hán Nôm của Việt Nam đâu không bao giờ có thể có được đầy đủ như đã có trong quá khứ nhưng văn khắc bia chuông số lượng sưu tập được đáng kể là phong phú. Về thư tịch chữ Hán chữ Nôm những năm gần đây thỉnh thoảng có phát hiện thêm những cuốn mới. Nhưng đến nay nguyên bản sách in hiện có trong nước chỉ từ thế kỷ XVIII về sau là tương đối nhiều, còn thuộc thế kỷ XVII có chứa đầy một chục - như các cuốn:

1600-19	<i>Lã Đường di cáo thi tập</i> . Bản trùng san đầu đời Lê Trung hưng mà tôi tạm đoán định là khoảng niên hiệu Hoằng Định	[Hoằng Định]	VHv.1459
1654	Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm kinh trực thuyết	Thịnh Đức 2	AC .301
1660	Đại phương quảng Viên Giác Liễu nghĩa kinh	Vĩnh Thọ 13	AC.627
1660	Vạn pháp chỉ nam	Vĩnh Thọ 3	AC.653
1665	Bát thức lược thuyết	Cảnh Trị 3	AC.617
1665	Đại thừa Bách pháp minh môn trực giải	Cảnh Trị 3	AC.618
1675	<i>Trùng san Lam Sơn thực lục</i> . Hồ Sĩ Dương. Sách do GS Hoàng Xuân Hãn tặng trong nước, mới chuyển đến Viện Hán Nôm cách đây mấy năm	Vĩnh Trị 1	

Sát niên đại bản *Trùng san Lam Sơn thực lục* là bộ *Đại Việt Sử ký toàn thư* bản in năm

Chính Hoà 18 (1697) hiện đã công bố, nhưng nguyên bản sách in vẫn là của TVQG Paris. Tại Thư viện này còn có bản sách quý cũng đã công bố. Đó là cuốn *Phật thuyết Đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*, nguyên gốc biên soạn khoảng thời Lê Thái Tổ (1428-1443) nhưng nguyên bản sách in hiện còn là bản Trùng san đời Lê Trung hưng (khoảng năm 1730). Đông Dương văn khố (Toyo Bunko) ở Nhật cũng có mấy bộ sách quý của ta trong đó có cuốn *Truyền kỳ mạn lục*. Loại Am hội chú bản (gọi là bản *Truyền kỳ mạn lục Cựu biên*) in Vĩnh Thịnh 8 (1712).

Điêm qua một ít danh mục thư tịch cổ của ta như vậy để các đại biểu và bạn đồng nghiệp dễ đối soát nhanh: Đầu thế kỷ XVII có 1 cuốn, nhưng từ thế kỷ XVI trở về trước thì các thư viện trong nước hiện này đều không có. Như một cuộc marathon về mốc xưa của lịch sử thư tịch, cuốn CNNÂ đã đứng ngay ở năm đầu tiên của thế kỷ XV. Nó vẫn đứng ở mốc ấy từ lâu trên giá của VĐBC tại Hà Nội, nhờ cụ Thúc Ngọc giới thiệu mà nó trở thành danh thư, được đánh giá là một cuốn từ điển Hán Nôm cổ nhất, rất có giá trị của nước ta—nhưng vì chưa xác định được năm in nên nó chỉ mới được nói đến một cách dè dặt là ấn phẩm khoảng thế kỷ XVII—muộn hơn tuổi thực của nó ngót 3 thế kỷ! Bài khảo chứng của tôi trong khi xác định được năm in chính xác của nó **đồng thời cũng khiến cho niên đại triều Hồ trở thành niên đại hiện còn một nguyên bản sách in cổ nhất của nước ta (1401).**

Riêng với vấn đề tác giả của CNNÂ chuyên đề của tôi chưa trực tiếp thảo luận đến. Nhưng khảo chứng của tôi là độc lập và trực tiếp từ văn bản gốc, các kết quả đều lần lượt có các bằng cứ chứng minh CNNÂ là sách in năm 1401 đời nhà Hồ, thì **đáp án cũng đã rõ là nó không có quan hệ gì với bà quận chúa Trịnh Thị Ngọc Trúc thế kỷ XVIII.**

Những vấn đề liên quan khác như có hay không như về Sĩ Nhiếp, về sự tương thích giữa niên đại 1401 với hệ thống chú âm trong CNNÂ, về địa danh tên nước Phát Lang, v.v. Mỗi vấn đề đó đều rất phức tạp, tôi đã và đang tiếp tục nghiên cứu, hiện đã có những kết quả rất bất ngờ và đột xuất, khi có điều kiện sẽ xin tiếp tục cuộc thảo luận.

Chuyên đề của tôi, do phải giải giải quyết vấn đề niên đại bản in CNNÂ mà đồng thời gần như phải thực hiện cả một chương nghiên cứu định lệ kiêng húy triều Hồ, cho nên đến đây cũng đã khảm thời gian cho phép của Hội thảo. Vì học thuật chung, cảm ơn quý vị và các đồng nghiệp đã chú ý lắng nghe và mong nhận được chỉ chính.

Giữa tháng 10-2004. *Chào Tân Tị mốc xưa thư tịch!*



Copyright © 2004 by The Institute of Hán-Nôm Studies
and The Vietnamese Nôm Preservation Foundation.

¹ Xem: Trần Văn Giáp. Lược khảo về nguồn gốc chữ Nôm. *Nghiên cứu Lịch sử*, số 127, tháng 10-1969.

² - Hoa Bằng: Góp ý kiến với ông bạn Trần Văn Giáp về bài Nguồn gốc chữ Nôm. *Nghiên Cứu Lịch Sử*, 1971, số 140, tr. 57-62
- Nguyễn Tài Cẩn: Cứ liệu ngữ âm lịch sử với vấn đề thời kỳ xuất hiện của chữ Nôm. *Ngôn ngữ*, 1971, số 1. In lại trong: *Một số vấn đề về chữ Nôm*. Nxb. Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội 1985, tr. 86-110.
- Đào Duy Anh: *Chữ Nôm- nguồn gốc cấu tạo diễn biến*. Hà Nội, Nxb. Khoa học Xã hội, 1975, tr. 115.
- Lê Văn Quán: *Nghiên cứu về chữ Nôm*. Hà Nội, Nxb. Khoa học Xã hội, 1981.
- Trần Xuân Ngọc Lan: *Chi nam ngọc âm giải nghĩa*. Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải. Hà Nội, Nxb.

Khoa học Xã hội, 1985. 260 tr.

³ Xem: Ngô Đức Thọ. *Nghiên cứu chữ huy Việt Nam qua các triều đại*. E. Poisson dịch ra tiếng Pháp: *Les caractères interdits au Vietnam à travers l'Histoire*. Hà Nội, Nxb. Văn hoá, 1997. 480 tr.

⁴ Nguyễn Tài Cần. *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*. Tái bản có sửa bổ sung. Hà Nội, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2000. Tr. 221.

